

TKV với EVN chậm được thống nhất; một số hộ xi măng mua than của các nhà cung cấp khác với giá bán thấp hơn so với giá bán của TKV; một số hộ sản xuất lớn khác có nhu cầu nhận than nhưng do vấn đề công nợ nên việc cung cấp than còn hạn chế; các đơn vị kinh doanh than cuối nguồn sản lượng bán tự doanh sụt giảm rất lớn do nguồn than có giá rẻ ngoài TKV ồ ạt chiếm lĩnh thị trường và do TKV thay đổi cơ chế thanh toán.

Một số đơn vị trực thuộc TMB vẫn được TKV giao nhiệm vụ chế biến, pha trộn than bán lại cho TKV để TKV bán cho các hộ lớn. Tuy nhiên việc cung cấp không ổn định do TKV chậm thỏa thuận ký hợp đồng cả năm với các hộ sản xuất điện. Công ty đã luôn sát sao chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phải tập trung tiêu thụ số lượng than tồn kho, thu hồi công nợ, đảm bảo tài chính cho TMB.

Trước những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai kịp thời các chỉ đạo của TKV, các chỉ tiêu mua bán và doanh thu đều phải điều chỉnh kế hoạch, nhưng công ty vẫn đảm bảo ổn định tài chính và thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 12 tháng 2019	% TH so KH năm 2019
A	B	C	2	3	5
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn	6.000.000	6.247.797	104%
b	Than bán ra	Tấn	5.800.000	5.704.878	98%
	Trong đó: Than tự doanh	Tấn	2.000.000	1.314.730	66%
	Than giao lại TKV và Hộ lớn	Tấn	3.800.000	4.390.148	116%
2	Doanh thu tổng số:	Tr. đồng	6.480.000	10.857.337	168%
3	Giá trị sản xuất tính lương	"	197.242	380.502	193%
4	Tổng lợi nhuận:	"	27.733	83.704	302%
5	Cổ tức	%	7,00	7,00	100%
6	Thu nhập bình quân	đ/người/ tháng	8.948.000	12.327.000	138%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Với sự chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo và các phòng ban chuyên môn của Công ty, cùng với sự quyết tâm, chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc, kết thúc năm 2019 TMB đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu đề ra, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

Công ty đã cố gắng thực hiện năm 2019 với các chỉ tiêu cụ thể như sau: GTSX đạt 209% kế hoạch năm, GTSX tính lương đạt 193% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 83.704 triệu đồng đạt 302% kế hoạch năm, thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt 12.327.000 nghìn đồng/người/tháng . Hàng tồn kho tăng so với đầu năm 684.329 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 35.104 triệu đồng, nợ phải trả tăng 741.803 triệu đồng.

Công ty đã đẩy mạnh sản lượng, cố gắng tiết giảm chi phí và đã hoàn thành và vượt 302% kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận và đạt 138% ở chỉ tiêu tiền lương bình quân cho các cán bộ, công nhân viên.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

Biến động về tài sản, nguồn vốn năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm		Tỷ lệ % đầu kỳ so với cuối kỳ
					Số tiền	Tỷ lệ %	
	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2	5=1/2
	TÀI SẢN						
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.507.114.558.689	717.903.637.713	789.210.920.976	(109,93%)	(209,93%)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	16.277.088.022	16.283.173.471	(6.085.449)	-(0,04%)	(99,96%)
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-		
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	97.497.953.323	45.120.528.359	52.377.424.964	(116,08%)	(216,08%)
IV	Hàng tồn kho	140	1.295.536.329.761	611.207.661.003	684.328.668.758	(111,96%)	(211,96%)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	97.803.187.583	45.292.274.880	52.510.912.703	(115,94%)	(215,94%)
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	98.663.450.236	95.226.865.351	3.436.584.885	(3,61%)	(103,61%)
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-		
II	Tài sản cố định	220	92.989.703.956	90.631.503.495	2.358.200.461	(2,60%)	(102,60%)
1	Tài sản cố định hữu hình	221	52.837.320.067	58.623.863.930	(5.786.543.863)	-(9,87%)	(90,13%)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-		
3	Tài sản cố định vô hình	227	40.152.383.889	32.007.639.565	8.144.744.324	(25,45%)	(125,45%)
III	Bất động sản đầu tư	230			-		
IV	IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	65.237.273	-	65.237.273	#DIV/0!	#DIV/0!
V	V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-		
VI	VI. Tài sản dài hạn khác	260	5.608.509.007	4.595.361.856	1.013.147.151	(22,05%)	(122,05%)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.605.778.008.925	813.130.503.064	792.647.505.861	(97,48%)	(197,48%)
	NGUỒN VỐN						
C	C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.380.017.569.373	638.214.416.835	741.803.152.538	(116,23%)	(216,23%)
I	I. Nợ ngắn hạn	310	1.380.017.569.373	638.214.416.835	741.803.152.538	(116,23%)	(216,23%)
II	II. Nợ dài hạn	330	-	-	-		
D	D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	225.760.439.552	174.916.086.229	50.844.353.323	(29,07%)	(129,07%)
I	I. Vốn chủ sở hữu	410	225.760.439.552	174.916.086.229	50.844.353.323	(29,07%)	(129,07%)
1	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	150.000.000.000	100.000.000.000	50.000.000.000	(50,00%)	(150,00%)
2	4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	10.683.482.048	60.089.131.309	(49.405.649.261)	-(82,22%)	(17,78%)
3	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.570.991.059	1.167.507.603	1.403.483.456	(120,21%)	(220,21%)
4	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-		
5	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-		
6	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	62.505.966.445	13.659.447.317	48.846.519.128	(357,60%)	(457,60%)
6.1	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	62.505.966.445	13.659.447.317	48.846.519.128	(357,60%)	(457,60%)
II	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.605.778.008.925	813.130.503.064	792.647.505.861	(97,48%)	(197,48%)

Những biến động lớn: Hàng tồn kho tăng so với đầu năm 684.328 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 52.377 triệu đồng, nợ phải trả tăng 741.803 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung chuẩn bị chân hàng để phát triển kinh doanh năm 2020, thu hồi công nợ để trả nợ.

Khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	1,12	1,09	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,78 3,64	0,85 6,13	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	8,7 7,02	7,7 6,7	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i></p>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,09%	0,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	7,6%	27,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	1,64%	3,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,37%	0,67%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Theo bảng biến động tài sản thì nợ phải trả tăng 741.803 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung làm tốt việc rút giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Công ty không có nợ phải trả xấu, không có chênh lệch tỷ giá và chênh lệch lãi vay.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

Trong năm Công ty đổi mới về chính sách sản phẩm: Kinh doanh không phải là gi bán lấy, mà coi than mua từ Tập đoàn TKV mới chỉ là sản phẩm thô, còn sản phẩm bán cho khách hàng phải là sản phẩm “tinh”, đặc thù đã trải qua quá trình chế biến lại, đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và phù hợp với công nghệ của từng khách hàng.

Do đó Công ty đã tập trung sáng kiến các phương pháp chế biến để tạo ra những sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng để đảm bảo khách hàng sử dụng tiết kiệm than hơn, giá thành rẻ hơn, đồng thời hiệu quả trên 1 tấn than bán ra của Công ty cũng được tăng lên, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả SXKD.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future:*

Sở hữu một kênh phân phối, một mạng lưới các kho than bám sát khách hàng

là một tài sản sinh lời quan trọng bậc nhất của Công ty. Mạng lưới này cho phép Công ty đáp ứng nhu cầu than kịp thời mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng, làm cho khách hàng cảm thấy mạng lưới này như chính là kho than dự trữ thường xuyên của mình.

Do đó trong những năm tiếp theo Công ty phải tập trung tái cơ cấu mạng lưới bán than như sau:

- Tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư mở rộng mạng lưới các kho than để bám sát khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trọng điểm.

- Mua lại các kho than trọng điểm đang đi thuê và hợp tác đầu tư lâu dài với chủ các kho than để đảm bảo tính ổn định lâu dài về địa điểm bán than trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

- Báo cáo Tài chính của Công ty đã được Kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Công ty là đơn vị kinh doanh nên mức tiêu thụ năng lượng, nước, phát thải rất thấp như đã báo ở trên, vì vậy mức tác động đến các chỉ tiêu môi trường là gần như không đáng kể.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

- Công ty đã thực tốt mọi chế độ đối với người lao động, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về lao động, trong năm chưa có khiếu nại nào của người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Mức độ đóng góp của doanh nghiệp đến địa phương còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các khoản đóng góp nhỏ dưới 10 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Năm 2019 nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế trong nước còn khó khăn, sản xuất và kinh doanh than gặp nhiều thách thức. Nhận thức được những khó khăn và chủ động phát huy những thuận lợi, HĐQT Công ty đã tập trung quản lý, lãnh

đạo, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, khai thác mọi nguồn lực, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Vì vậy, tình hình SXKD, tiêu thụ than của Công ty vẫn giữ được thế ổn định, các chỉ tiêu chính đạt kế hoạch đề ra.

- Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 12 tháng 2019	% TH so KH năm 2019
A	B	C	2	3	5
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn	6.000.000	6.247.797	104%
b	Than bán ra	Tấn	5.800.000	5.704.878	98%
	Trong đó: Than tự doanh	Tấn	2.000.000	1.314.730	66%
	Than giao lại TKV và Hộ lớn	Tấn	3.800.000	4.390.148	116%
2	Doanh thu tổng số:	Tr. đồng	6.480.000	10.857.337	168%
3	Giá trị sản xuất tính long	"	197.242	380.502	193%
4	Tổng lợi nhuận:	"	27.733	83.704	302%
5	Đầu tư XD CB	Tr. đồng	22.060	12.871	58,3%
6	Cổ tức	%	7,00	7,00	100%
7	Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	8.948.000	12.327.000	138%

* Tình hình tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính của Công ty nói chung lành mạnh, cụ thể:

- Tổng số vốn chủ sở hữu cuối năm: 225.760 tỷ đồng, bằng 1,5 % vốn điều lệ.
- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty năm 2019 thực hiện 1,01 lần so với cùng kỳ năm 2018. Hệ số > 1, cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 41,67%.

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư XD CB năm 2019 là 12,871 tỷ đồng, đạt 58,3% kế hoạch, vì một số dự án chưa hoàn thành và quyết toán trong năm 2019.

Các dự án dở dang và chưa triển khai được, Công ty đã có báo cáo TKV và được

chấp thuận tiếp tục tổ chức thực hiện trong năm 2020.

* Đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2019:

Năm qua, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chính (giá trị sản xuất; các chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập bình quân phải điều chỉnh). Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động khai thác những thế mạnh, phát huy tính tích cực, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, điều hành tiêu thụ hợp lý, hiệu quả, nhất là thực hiện hiệu quả công tác chế biến than.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và yêu cầu của HĐQT. Tổng giám đốc và bộ máy quản lý đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2019.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, nhằm đảm bảo SXKD của Công ty an toàn có hiệu quả, chánh rui ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên

Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (*list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies*).

Danh sách Hội đồng quản trị:

- Lê Quang Bình – Chủ tịch HĐQT, người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (TKV) tại Công ty, số cổ phần đại diện: 10.116.000 cổ phần, chiếm 67,44%.

- Ngô Quang Trung – Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 2.388 cổ phần, chiếm 0,024%.

- Phan Tiến Hải – Ủy viên kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 5.972 cổ phần, chiếm 0,06%. (Thôi kiêm nhiệm Phó TGD để nghỉ hưu từ 01/8/2019)

- Nguyễn Minh Hải – Ủy viên kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 8.248 cổ phần, chiếm 0,082%.

- Vũ Hữu Long – Ủy viên kiêm trưởng phòng kế hoạch thị trường, số cổ phần sở hữu 10.000 cổ phần, chiếm 0,1%.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty chỉ đạo tập thể tất cả các hoạt động, không phân chia thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

- HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh. Năm 2019, HĐQT Công ty đã tổ chức 33 cuộc họp và đưa ra nghị quyết để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, cụ thể:

+ Thông qua 13 văn bản liên quan đến tổ chức SXKD, tài chính gồm: Đánh giá hoạt động SXKD quý IV và cả năm 2018, thông qua các chỉ tiêu chủ yếu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2019 và quý I/2019; Chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Đánh giá hoạt động SXKD quý I năm 2019, thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2019; Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty; Thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thông qua việc đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Quyết toán tiền thù lao kiêm nhiệm đối với thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2018; Thanh toán tiền thưởng cho các viên chức quản lý Công ty năm 2018; Thông qua ngày đăng ký



cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán Công ty; Nội dung và ngày thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2018; Đánh giá hoạt động SXKD quý II năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý III năm 2019; Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 cho các cổ đông của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ ngày 15/8/2019; Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Đánh giá hoạt động SXKD quý III năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý IV năm 2019; Điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần KD than Miền Bắc – Vinacomin theo văn bản số 5771/TKV-KH ngày 19/11/2019 của Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam; Ủy quyền cho Tổng giám đốc được quyết định, trực tiếp ký kết hoặc ủy quyền cho Phó tổng giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay vốn, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng phát hành thư tín dụng, hợp đồng bảo đảm, giấy nhận nợ và các hồ sơ tín dụng khác có liên quan để phục vụ cho SXKD của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

+ Thông qua 06 nội dung về công tác đầu tư xây dựng: Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin (thay thế Quy chế ban hành theo QĐ số 1232/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2016); Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu công trình “Nâng cấp mở rộng kho Đa Phúc – Công ty KD than Bắc Thái”; Phê duyệt điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin; Phê duyệt phương án sắp xếp nhà, đất của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin; Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin; Phê duyệt nội dung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin.

+ Thông qua 09 nội dung về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương: Bổ nhiệm lại Ông Phạm Lương Đồng tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Hà Nam, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 29/01/2019; Quyết định sáp nhập Công ty KD than Tây Bắc vào Công ty KD than Bắc Thái trực thuộc Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/7/2019; Cho ông Nguyễn Văn Bính thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Tây Bắc và cho thôi việc kể từ ngày 01/7/2019; Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tham gia Đoàn công tác của Bộ Công thương đi Hoa Kỳ để dự họp Hội đồng Thương mại và Đầu tư Việt Nam – Hoa Kỳ, thời gian 08 ngày trong tháng 9/2019; Quyết định sáp nhập Trạm Kinh doanh Than bùn Hòn Gai vào Chi nhánh Công ty cổ phần KD than Miền Bắc – Vinacomin tại Quảng Ninh trực thuộc Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/11/2019; Ban hành Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/11/2019; Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Hảo, Giám đốc Công ty KD than Hải Phòng



giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần KD than Miền Bắc - Vinacomin, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 01/12/2019; Bổ nhiệm Ông Đỗ Chí Trung, Phó giám đốc Công ty KD than Hải Phòng giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Hải Phòng, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 01/12/2019; Bổ nhiệm lại Ông Vũ Khắc Lân tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần KD than Miền Bắc – Vinacomin tại Quảng Ninh, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 01/01/2020.

+ Thông qua 05 văn bản về các lĩnh vực quản lý khác của Công ty: Quyết định sử dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-TKV ngày 05/01/2019 để áp dụng trong toàn Công ty CPKD than Miền Bắc kể từ ngày 01/01/2019; Xem xét thông qua dự thảo các quy chế quản lý của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin và triển khai xây dựng kế hoạch ĐTXD của Công ty giai đoạn (2020 – 2025); Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành các quy chế của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin “Quy chế thi đua, khen thưởng” và “Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi”; Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành “Quy chế về việc lựa chọn đơn vị bốc xúc, vận chuyển (đường thủy và đường bộ), pha trộn, chế biến than và tuyển rửa than thuê ngoài năm 2019 của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin; Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành “Quy chế về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Đại hội đã thông qua các nội dung quan trọng về SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019; thông qua báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính năm 2018; Biểu quyết thông qua việc bầu thay thế ủy viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ (2017-2022).

- Các cuộc họp của HĐQT đều có Ban Kiểm soát được tham dự.

- Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban điều hành, đã tác động thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- Ban tổng giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin và điều chỉnh thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2019.

+ Đã hướng dẫn, chỉ tạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng đầy đủ các quy định của TKV về ký hợp đồng, viết hóa đơn, công tác dịch vụ hộ lớn, công tác tài chính kế toán.

+ Đã thực hiện việc kiện toàn tổ chức một số chức danh cán bộ chủ chốt trong Công ty và đơn vị trực thuộc theo đúng chủ trương về tái cấu trúc quản trị nội bộ.

+ Thực hiện chủ trương tiết giảm lao động theo chỉ đạo của TKV, Công ty đã tiết

giảm được 14 lao động.

+ Đã từng bước hoàn thiện được các quy chế, quy định các mặt quản lý của Công ty.

+ Duy trì tốt công tác an toàn lao động, triển khai áp dụng đúng quy định các biện pháp an toàn, bảo hộ lao động.

*** Danh mục các Nghị quyết của HĐQT Công ty năm 2019:**

Stt	Nội dung	Ngày họp	Gh chú
I	Tổ chức SXKD, Tài chính		
1	Đánh giá hoạt động SXKD quý IV và cả năm 2018; Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD quý I năm 2019.	05/01/2019	01 buổi
2	Chuẩn bị Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019	18/3/2019	01 buổi
3	Đánh giá hoạt động SXKD quý I năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2019	04/4/2019	01 buổi
4	Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty.	06/6/2019	01 buổi
5	- Thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua - Thông qua việc đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	18/6/2019 (08h00)	01 buổi
6	Đồng ý để Công ty KD than Thanh Hóa bán than cho Công ty TNHH Thương mại và Kinh doanh Cảng Thanh Hóa.	24/6/2019	01 buổi
7	Quyết toán tiền thù lao kiêm nhiệm đối với thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2018; Thanh toán tiền thưởng cho các viên chức quản lý Công ty năm 2018	28/6/2019 (09h00)	01 buổi
8	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán Công ty; Nội dung và ngày thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2018. - Đánh giá hoạt động SXKD quý II năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý III năm 2019.	03/7/2019 (09h00)	01 buổi
9	Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 cho các cổ đông của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ ngày 15/8/2019	06/8/2019 (09h00)	01 buổi
10	- Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua - Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	12/8/2019 (08h00)	01 buổi

11	Đánh giá hoạt động SXKD quý III năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý IV năm 2019.	27/9/2019 (09h00)	01 buổi
12	Điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần KD than Miền Bắc – Vinacomin theo văn bản số 5771/TKV-KH ngày 19/11/2019 của Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam.	25/11/2019 (15h00)	01 buổi
13	Ủy quyền cho Tổng giám đốc được quyết định, trực tiếp ký kết hoặc ủy quyền cho Phó tổng giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay vốn, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng phát hành thư tín dụng, hợp đồng bảo đảm, giấy nhận nợ và các hồ sơ tín dụng khác có liên quan để phục vụ cho SXKD của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.	23/12/2019	01 buổi
II	Đầu tư, xây dựng		
1	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin (thay thế Quy chế ban hành theo QĐ số 1232/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2016)	28/01/2019	01 buổi
2	Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu công trình “Nâng cấp mở rộng kho Đa Phúc – Công ty KD than Bắc Thái”	18/4/2019	01 buổi
3	Phê duyệt điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin	14/5/2019	01 buổi
4	Phê duyệt phương án sắp xếp nhà, đất của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin	10/10/2019	01 buổi
5	Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin	28/10/2019	01 buổi
6	Phê duyệt nội dung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin	07/11/2019	01 buổi
III	Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương		
1	Bổ nhiệm lại Ông Phạm Lương Đồng tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Hà Nam, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 29/01/2019.	29/01/2019	01 buổi
2	Quyết định sáp nhập Công ty KD than Tây Bắc vào Công ty KD than Bắc Thái trực thuộc Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/7/2019	26/6/2019	01 buổi
3	Công tác cán bộ tại Công ty KD than Tây Bắc: - Cho ông Nguyễn Văn Bình thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty và cho thôi việc kể từ ngày 01/7/2019.	28/6/2019 (13h10)	01 buổi
4	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tham gia Đoàn công tác của Bộ Công thương đi Hoa Kỳ để dự họp Hội đồng Thương mại và Đầu tư Việt Nam – Hoa Kỳ, thời gian 08 ngày trong tháng 9/2019	20/9/2019 (9h30)	01 buổi
5	Quyết định sáp nhập Trạm Kinh doanh Than bùn Hòn Gai vào Chi nhánh Công ty cổ phần KD than Miền Bắc –Vinacomin tại Quảng Ninh trực	23/10/2019	01 buổi

1101 500 0 1/21

	thuộc Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/11/2019		
6	Ban hành Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 01/11/2019	13/11/2019	01 buổi
Stt	Nội dung	Ngày họp	Ghi chú
7	Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Hào, Giám đốc Công ty KD than Hải Phòng giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần KD than Miền Bắc - Vinacomin, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 01/12/2019.	25/11/2019 (14h30)	01 buổi
8	Bổ nhiệm Ông Đỗ Chí Trung, Phó giám đốc Công ty KD than Hải Phòng giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Hải Phòng, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 01/12/2019.	29/11/2019	01 buổi
9	Bổ nhiệm lại Ông Vũ Khắc Lân tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần KD than Miền Bắc – Vinacomin tại Quảng Ninh, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 01/01/2020.	09/12/2019	01 buổi
IV	Lĩnh vực khác		
1	Quyết định sử dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-TKV ngày 05/01/2019 để áp dụng trong toàn Công ty CPKD than Miền Bắc kể từ ngày 01/01/2019.	15/01/2019	01 buổi
2	Xem xét thông qua dự thảo các quy chế quản lý của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin và triển khai xây dựng kế hoạch ĐTXD của Công ty giai đoạn (2020 – 2025).	12/7/2019 (09h00’)	01 buổi
3	Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành các quy chế của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin: “Quy chế thi đua, khen thưởng” và “Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi”	29/7/2019 (09h30’)	01 buổi
4	Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành “Quy chế về việc lựa chọn đơn vị bốc xúc, vận chuyển (đường thủy và đường bộ), pha trộn, chế biến than và tuyển rửa than thuê ngoài năm 2019 của Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:	29/7/2019 (13h30’)	01 buổi
5	Thông qua việc ban hành và giao Chủ tịch HĐQT ban hành “Quy chế về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:	31/12/2019 (14h00)	01 buổi

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

HĐQT Công ty chưa phân thành các tiểu ban và không có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

HĐQT Công ty chưa có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban, số cổ phần sở hữu 11.916 cổ phần, chiếm 0,079%.
- Cao Thị Nhung - Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.
- Bùi Thị Phương Thảo – Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, Ban kiểm soát đã làm việc tại văn phòng Công ty và các chi nhánh của Công ty.

- Hàng tháng, Ban làm việc tại Công ty về các vấn đề như công nợ, lao động tiền lương, giám sát công tác tài chính kế toán. Hàng quý và năm, Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính tại đơn vị, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

- Hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo hoạt động kiểm soát, báo cáo giám sát tại đơn vị gửi TKV đúng nội dung yêu cầu và đảm bảo thời gian nộp báo cáo.

- Ngoài ra, Ban kiểm soát đã làm việc tại các đơn vị trực thuộc. Các cuộc kiểm tra, giám sát được tập trung vào các nội dung như:

+ Xem xét báo cáo tài chính và kiểm tra phân phối thu nhập, công nợ phải thu, các khoản chi tiêu tài chính, thực hiện kế hoạch ĐTXD, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, tình hình huy động và sử dụng vốn...của Công ty.

+ Kiểm tra công tác chế biến than, ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng, quản lý theo dõi GGT nhận than.

+ Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện các qui chế, qui định của Công ty tại các đơn vị trực thuộc.

+ Kiểm tra công tác tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động.

+ Kiểm tra việc chấp hành quy chế quản lý ĐTXD, kiểm soát chi phí và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đã được HĐQT phê duyệt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors,

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

NĂM 2019

TT	Họ và tên	Chức Danh	Lương 2018 chuyển sang	Lương 2019	ăn ca	thù lao HDQT	phụ cấp Đẳng	phụ cấp đoàn	Thù lao ban Trà	TMB thưởng	Thưởng VCQL	Tổng
I	VCQL		522.286.363	1.722.286.363	41.790.000	135.780.000	19.305.000	2.145.000	-	170.436.536	24.900.000	2.116.642.899
1	Ngô Quang Trung	Tổng Giám Đốc-Chuyên trách/ủy Viên HDQT (từ 01/06/2018 - nay)	67.471.094	304.591.094	7.380.000	48.180.000	5.184.000			22.242.586	6.000.000	393.577.680
2	Phan Tiến Hải	Phó Tổng GD-Chuyên trách/ủy viên HDQT (nghỉ từ 08/2019)	102.552.941	225.192.941	4.200.000	35.040.000	2.919.000			33.287.748	3.200.000	303.839.689
3	Đặng Thị Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm Soát- chuyên trách	102.552.941	312.792.941	7.380.000		5.184.000			33.287.748	6.000.000	364.644.689
4	Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng GD-Chuyên trách/ủy viên HDQT	102.552.941	312.792.941	7.380.000	52.560.000	5.124.000			33.287.748	5.000.000	416.144.689
5	Phạm Văn Hào	Phó Tổng GD (từ 01/12/2019 - nay)		17.520.000	660.000							18.180.000
6	Nguyễn Anh Toán	Phó Tổng GD (từ 01/04/2018 - nay)	76.914.706	287.154.706	7.530.000					25.215.810		319.900.516
7	Nguyễn Đức Vinh	Kế toán trưởng (từ 01/04/2018 - nay)	70.241.740	262.241.740	7.260.000		894.000	2.145.000		23.114.896	4.700.000	300.355.636
II	TV Kiểm nhiệm khác		-	1.225.466.516	29.640.000	251.384.000	-	223.500	5.184.000	135.675.157	13.700.000	1.661.273.173
7	Vũ Hữu Long	ủy Viên HDQT-Kiểm nhiệm		386.761.717	7.320.000	52.560.000				55.000.000	4.700.000	506.341.717
8	Hà Đức Hoàn	Thư ký Công ty-Kiểm nhiệm (nghỉ từ 30/09/2018)				7.200.000			5.184.000	18.800.000		31.184.000
9	Vũ Huy Phương	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm (từ 01/10/2018 - nay)		336.593.098	7.500.000	40.800.000				11.200.000		396.093.098
10	Cao Thị Nhung	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm		251.417.999	7.380.000	48.000.000				8.850.000	4.500.000	320.147.999
11	Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm		250.693.702	7.440.000	43.200.000		223.500		10.250.000	4.500.000	316.307.202
12	Lê Quang Bình	Chủ tịch HDQT -Kiểm nhiệm (từ 1/2/2018 - nay)				59.624.000				31.575.157		91.199.157
	Tổng		522.286.363	2.947.752.879	71.430.000	387.164.000	19.305.000	2.368.500	5.184.000	306.111.693	38.600.000	3.777.916.072

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Công ty không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

- Công ty không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

- Hầu hết các quy định về quản trị Công ty tại thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh, tuy nhiên còn một số nội dung chưa thực hiện được:

+ Chưa thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

+ Chưa tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO và được chấp nhận toàn phần, cụ thể ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định

pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin tiền thân là Tổng công ty Quản lý và Phân phối than được thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ - TCCB ngày 19/12/1974 của Bộ Điện và Than. Ngày 04/03/1995 được đổi tên thành Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Miền Bắc theo Quyết định số 140NL/TCCB - LĐ của Bộ Năng Lượng trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Công ty được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 4234/QĐ - BCN ngày 28/12/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103015276 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2007. Trong quá trình hoạt động các thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật, mã số doanh nghiệp của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 12 ngày 30/08/2019; theo đó số giấy đăng ký kinh doanh được thay đổi thành mã số doanh nghiệp 0100100689.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh than.

Công ty có trụ sở tại số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	
- Ông Phan Tiến Hải	Ủy viên	<i>Nghỉ hưu ngày 01/08/2019</i>
- Ông Nguyễn Minh Hải	Ủy viên	
- Ông Vũ Hữu Long	Ủy viên	
- Ông Ngô Quang Trung	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Ngô Quang Trung	Tổng Giám đốc	
- Ông Phạm Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm ngày 01/12/2019</i>
- Ông Phan Tiến Hải	Phó Tổng Giám đốc	<i>Nghỉ hưu ngày 01/08/2019</i>
- Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Anh Toán	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Quang Trung - Chức danh: Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Đặng Thị Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Cao Thị Nhung	Thành viên
- Bà Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Đã ký

Tổng Giám đốc
Ngô Quang Trung

1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2020 từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Đã ký

Đã ký

Bùi Văn Vượng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.507.114.558.688	717.903.637.713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.277.088.022	16.283.173.471
1. Tiền	111		16.277.088.022	16.283.173.471
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tị tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.497.953.323	45.120.528.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	77.311.894.018	42.207.821.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.166.100.604	1.746.190.655
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22.039.937.138	3.437.547.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.019.978.437)	(3.019.978.437)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	748.946.889
IV. Hàng tồn kho	140		1.295.536.329.761	611.207.661.003
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.295.536.329.761	611.207.661.003
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.803.187.583	45.292.274.880
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	2.125.088.300	2.921.748.899
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		94.226.855.454	41.964.238.993
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	1.451.243.829	406.286.988
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.663.450.236	95.226.865.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.989.703.956	90.631.503.495
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	52.837.320.067	58.623.863.930
Nguyên giá	222		177.108.006.238	174.552.772.146
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.270.686.171)	(115.928.908.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	40.152.383.889	32.007.639.565
Nguyên giá	228		46.050.317.794	36.941.377.794
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.897.933.905)	(4.933.738.229)
III. Bất động sản đầu tị	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		65.237.273	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	65.237.273	-
V. Đầu tị tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.608.509.007	4.595.361.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.2	5.608.509.007	4.595.361.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.605.778.008.924	813.130.503.064

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.380.017.569.372	638.214.416.835
I. Nợ ngắn hạn	310		1.380.017.569.372	638.214.416.835
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	564.194.382.861	304.448.586.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	17.988.489.244	31.820.425.757
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	11.124.326.124	7.004.551.093
4. Phải trả người lao động	314	V.14	15.785.934.229	13.910.268.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.686.879.344	828.120.321
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	616.423.511.692	6.978.403.004
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	149.636.171.959	270.047.584.400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.177.873.919	3.176.477.296
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.760.439.552	174.916.086.229
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	225.760.439.552	174.916.086.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.683.482.048	60.089.131.309
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.570.991.059	1.167.507.603
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.505.966.445	13.659.447.317
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	314.230.732
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		62.505.966.445	13.345.216.585
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.605.778.008.924	813.130.503.064

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm Nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.857.337.165.310	5.712.483.113.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.857.337.165.310	5.712.483.113.557
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.066.757.212.295	5.361.164.752.530
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		790.579.953.016	351.318.361.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	197.648.401	54.911.727.527
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.853.013.156	49.847.225.247
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		43.259.342.022	18.600.238.255
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	625.201.747.263	320.970.346.484
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	46.016.658.625	13.790.230.652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.706.182.372	21.622.286.172
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11.538.965.935	1.071.291.459
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.540.761.100	715.531.599
13. Lợi nhuận khác	40		9.998.204.835	355.759.860
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.704.387.207	21.978.046.031
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	21.198.420.762	8.632.829.446
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.505.966.445	13.345.216.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.343,02	868,36

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm Nay	Năm Trước
I. Lợi chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.704.387.207	21.978.046.031
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.408.658.631	13.115.676.769
- Các khoản dự phòng	03		-	(4.534.360.231)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	28.643
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(197.648.401)	(231.924.598)
- Chi phí lãi vay	06		43.259.342.022	18.600.238.255
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		137.174.739.458	48.927.704.869
-Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(105.684.998.266)	157.318.455.774
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(684.328.668.758)	366.535.268.681
-Tăng, giảm các khoản phải trả	11		859.672.665.602	(489.364.592.507)
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(216.486.551)	2.249.406.555
-Tiền lãi vay đã trả	14		(43.323.735.160)	(25.080.845.258)
-Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.631.850.151)	(2.114.064.185)
-Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.660.216.499)	(4.449.825.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		140.001.449.676	54.021.508.329
II. Lợi chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.832.096.365)	(4.375.282.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	98.372.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		197.648.401	133.551.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.634.447.964)	(4.143.357.482)
III. Lợi chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	3.912.277.149.401	3.135.540.912.787
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(4.032.688.561.842)	(3.175.427.188.787)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.961.674.720)	(4.956.571.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(127.373.087.161)	(44.842.847.700)
Lợi chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.085.449)	5.035.303.147
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.283.173.471	12.377.598.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(28.643)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.277.088.022	17.412.872.990